

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 1 – HP (23400203)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123200433	Lê Thị Ngọc	Anh	09/12/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	5.0	9.0	9.0	8.0	
2	2123200499	Nguyễn Quốc	Anh	02/11/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	7.0	9.0	9.0	8.5	
3	2123200500	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	28/07/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	5.0	9.0	9.0	8.0	
4	2123200534	Quách Đình Gia	Bảo	28/09/2004	Quản trị xuất nhập khẩu F	10.0	9.0	9.0	9.3	
5	2123110019	Trần Thị Minh	Chi	13/05/2004	Công nghệ thông tin A	8.0	9.0	9.0	8.8	
6	2123200443	Trần Thị Hà	Danh	09/11/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	5.0	9.0	9.0	8.0	
7	2123200666	Lê Thị Thuỳ	Dung	14/03/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	5.0	9.0	5.0	6.0	
8	2123030052	Hồ Sĩ Ngọc	Duy	18/08/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	9.0	9.0	9.3	
9	2123110470	Nguyễn Thị Mẫn	Duy	17/10/2005	Công nghệ thông tin A	8.0	9.0	9.0	8.8	
10	2123200414	Đàm Thị Mỹ	Duyên	10/03/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	9.0	9.0	9.3	
11	2123200434	Đặng Hoàng	Duyên	24/11/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	7.0	6.0	7.0	6.8	
12	2123200567	Lê Thị	Giang	09/08/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	8.0	6.0	7.0	7.0	
13	2123200542	Trần Thanh	Hải	20/04/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	5.0	8.0	6.0	6.3	
14	2123200452	Diêu Thị Ngọc	Hân	03/03/2003	Quản trị xuất nhập khẩu E	5.0	5.0	7.0	6.0	
15	2123200492	Trần Thị Kim	Hằng	07/05/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	10.0	6.0	7.0	7.5	
16	2123200386	Nguyễn Trung	Hiếu	19/02/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	7.0	6.0	7.0	6.8	
17	2123200444	Huỳnh Phương	Hoà	24/09/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	0.0	0.0	0.0	0.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2123200637	Lê Thị Mỹ	Hoài	17/11/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	10.0	6.0	7.0	7.5	
19	2123200651	Phạm Kim	Huệ	05/06/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	9.0	6.0	7.0	7.3	
20	2123200568	Đặng Vĩnh	Hung	17/06/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	6.0	6.0	7.0	6.5	
21	2123200396	Trần Văn	Hung	29/08/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	8.0	8.0	8.0	
22	2123200532	Triệu Quang	Huy	02/12/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	6.0	8.0	8.0	7.5	
23	2123200442	Phạm Thị Thu	Huyền	23/09/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	8.0	8.0	8.5	
24	2123190012	Hoàng Văn	Khoa	02/09/2004	Tài chính - Ngân hàng A	0.0	0.0	0.0	0.0	
25	2123200513	Lê Anh	Khoa	19/03/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	5.0	8.0	8.0	7.3	
26	2123200411	Lê Thị Việt	Kiều	26/02/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	8.0	8.0	8.0	
27	2123200448	Ngô Thị Mỹ	Lệ	16/02/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	8.0	8.0	8.5	
28	2123200419	Hồ Nhã	Linh	20/08/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	9.0	7.0	7.8	
29	2123030067	Nguyễn Văn	Lợi	10/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	5.0	8.0	5.0	5.8	
30	2123200647	Trần Thanh Trúc	Ly	02/02/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	6.0	8.0	8.0	7.5	
31	2123110449	Nguyễn Công	Lý	15/11/2005	Công nghệ thông tin L	5.0	6.0	7.0	6.3	
32	2123200449	Tổng Thị	My	17/03/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	7.0	9.0	8.8	
33	2123200429	Lê Thị Thanh	Ngân	25/08/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	7.0	9.0	8.8	
34	2123030042	Lý Trọng	Nghĩa	08/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	7.0	9.0	8.8	
35	2123200456	Trà Thị Bích	Ngọc	19/07/2003	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	7.0	9.0	8.3	
36	2123200481	Phạm Quỳnh Trúc	Như	21/09/2003	Quản trị xuất nhập khẩu F	10.0	9.0	9.0	9.3	
37	2123190042	Trần Thị Hồng	Nhung	28/09/2005	Tài chính - Ngân hàng B	10.0	7.0	9.0	8.8	
38	2122180003	Nguyễn Minh	Nhật	28/10/2004	Công nghệ KT nhiệt A	10.0	7.0	9.0	8.8	
39	2123200615	Nguyễn Minh	Phấn	29/10/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	5.0	7.0	9.0	7.5	
40	2123190043	Phạm Thị Mỹ	Phụng	02/10/2005	Tài chính - Ngân hàng B	8.0	7.0	9.0	8.3	
41	2123030023	Phan Thiên	Phước	02/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí A	5.0	7.0	9.0	7.5	
42	2123200490	Hồ Thu	Phương	14/08/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	10.0	8.0	6.0	7.5	
43	2123200628	Huỳnh Nguyên	Quốc	11/05/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	0.0	0.0	0.0	0.0	
44	2123200423	Phạm Thị Như	Quỳnh	31/07/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	8.0	6.0	7.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
45	2123180002	Lê Chí	Tâm	01/09/2004	Công nghệ KT nhiệt A	0.0	0.0	0.0	0.0	
46	2123200522	Lê Quốc	Thái	23/06/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	8.0	8.0	6.0	7.0	
47	2123200416	Nguyễn Thị	Thảo	06/03/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	8.0	6.0	7.5	
48	2123200488	Lê Quốc	Thịnh	01/02/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	9.0	8.0	6.0	7.3	
49	2123200539	Hồ Thị Anh	Thư	11/10/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	10.0	8.0	6.0	7.5	
50	2123190037	Thanh Thị Thái	Thương	20/08/2005	Tài chính - Ngân hàng B	10.0	8.0	6.0	7.5	
51	2123190070	Lê Nguyễn Hương	Trà	15/01/2005	Tài chính - Ngân hàng B	10.0	8.0	6.0	7.5	
52	2123200497	Nguyễn Thị	Trang	24/03/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	8.0	7.0	8.0	7.8	
53	2123200437	Đặng Thị Kiều	Trinh	22/09/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	7.0	8.0	7.8	
54	2123200457	Trần Thị Ngọc	Trinh	21/06/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	7.0	8.0	8.3	
55	2123190050	Nguyễn Lê Ánh	Trúc	30/12/2005	Tài chính - Ngân hàng B	8.0	7.0	8.0	7.8	
56	2123200405	Phạm Thị Thanh	Trúc	16/04/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	8.0	7.0	8.0	7.8	
57	2123030057	Đặng Văn	Trường	02/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	7.0	8.0	8.3	
58	2123030017	Nguyễn Trọng	Trường	17/05/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí A	10.0	7.0	8.0	8.3	
59	2123200502	Lê Hoàng Cẩm	Tú	19/07/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	10.0	7.0	8.0	8.3	
60	2123200387	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	20/06/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	5.0	7.0	8.0	7.0	
61	2123190046	Đặng Nữ Ngọc	Út	16/05/2005	Tài chính - Ngân hàng B	10.0	7.0	8.0	8.3	
62	2123200484	Từ Thị Khánh	Vân	30/04/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	10.0	9.0	7.0	8.3	
63	2123200523	Huỳnh Văn	Viễn	07/02/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	0.0	0.0	0.0	0.0	
64	2123030072	Hà Văn	Vinh	04/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	7.0	7.0	7.8	
65	2123030003	Mai Quốc	Vinh	23/12/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí A	10.0	9.0	7.0	8.3	
66	2123030069	Nguyễn Hoàng	Vũ	01/05/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	10.0	9.0	7.0	8.3	
67	2123190089	Đoàn Thanh	Vy	18/08/2005	Tài chính - Ngân hàng C	8.0	9.0	7.0	7.8	
68	2123200464	Nguyễn Thị Thanh	Ý	18/05/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	9.0	7.0	8.3	

TPHCM , ngày 17 tháng 01 năm 2025

Giảng viên

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'N' followed by 'h' and 'B'.

Nguyễn Thanh Bình

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm Bổng chuyên 1 – HP (23400203) Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2123200433	Lê Thị Ngọc	Anh	09/12/2005	CCQ2320E	8.0	5.0	6,20	
2	2123200499	Nguyễn Quốc	Anh	02/11/2005	CCQ2320F	8.5	6.0	7,00	
3	2123200500	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	28/07/2005	CCQ2320F	8.0	6.0	6,80	
4	2123200534	Quách Đình Gia	Bảo	28/09/2004	CCQ2320F	9.3	8.0	8,50	
5	2123110019	Trần Thị Minh	Chi	13/05/2004	CCQ2311A	8.8	5.0	6,50	
6	2123200443	Trần Thị Hà	Danh	09/11/2005	CCQ2320E	8.0	5.0	6,20	
7	2123200666	Lê Thị Thuỳ	Dung	14/03/2005	CCQ2320G	6.0	10.0	8,40	
8	2123030052	Hồ Sĩ Ngọc	Duy	18/08/2005	CCQ2303B	9.3	7.0	7,90	
9	2123110470	Nguyễn Thị Mẫn	Duy	17/10/2005	CCQ2311A	8.8	5.0	6,50	
10	2123200414	Đàm Thị Mỹ	Duyên	10/03/2005	CCQ2320E	9.3	7.0	7,90	
11	2123200434	Đặng Hoàng	Duyên	24/11/2005	CCQ2320E	6.8	5.0	5,70	
12	2123200567	Lê Thị	Giang	09/08/2005	CCQ2320F	7.0	8.0	7,60	
13	2123200542	Trần Thanh	Hải	20/04/2005	CCQ2320F	6.3	5.0	5,50	
14	2123200452	Diêu Thị Ngọc	Hân	03/03/2003	CCQ2320E	6.0	5.0	5,40	
15	2123200492	Trần Thị Kim	Hằng	07/05/2005	CCQ2320F	7.5	8.0	7,80	
16	2123200386	Nguyễn Trung	Hiếu	19/02/2005	CCQ2320E	6.8	7.0	6,90	
17	2123200444	Huỳnh Phương	Hoà	24/09/2005	CCQ2320E	0.0	9.0	5,40	
18	2123200637	Lê Thị Mỹ	Hoài	17/11/2005	CCQ2320G	7.5	9.0	8,40	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2123200651	Phạm Kim	Huệ	05/06/2005	CCQ2320G	7.3	8.0	7,70	
20	2123200568	Đặng Vĩnh	Hưng	17/06/2005	CCQ2320F	6.5	8.0	7,40	
21	2123200396	Trần Văn	Hưng	29/08/2005	CCQ2320E	8.0	8.0	8,00	
22	2123200532	Triệu Quang	Huy	02/12/2005	CCQ2320E	7.5	0.0	3,00	
23	2123200442	Phạm Thị Thu	Huyền	23/09/2004	CCQ2320E	8.5	5.0	6,40	
24	2123190012	Hoàng Văn	Khoa	02/09/2004	CCQ2319A	0.0	0.0	0,00	
25	2123200513	Lê Anh	Khoa	19/03/2005	CCQ2320F	7.3	5.0	5,90	
26	2123200411	Lê Thị Việt	Kiều	26/02/2005	CCQ2320E	8.0	5.0	6,20	
27	2123200448	Ngô Thị Mỹ	Lê	16/02/2005	CCQ2320E	8.5	9.0	8,80	
28	2123200419	Hồ Nhã	Linh	20/08/2005	CCQ2320E	7.8	5.0	6,10	
29	2123030067	Nguyễn Văn	Lợi	10/12/2005	CCQ2303B	5.8	6.0	5,90	
30	2123200647	Trần Thanh Trúc	Ly	02/02/2005	CCQ2320G	7.5	9.0	8,40	
31	2123110449	Nguyễn Công	Lý	15/11/2005	CCQ2311L	6.3	5.0	5,50	
32	2123200449	Tổng Thị	My	17/03/2005	CCQ2320E	8.8	5.0	6,50	
33	2123200429	Lê Thị Thanh	Ngân	25/08/2005	CCQ2320E	8.8	9.0	8,90	
34	2123030042	Lý Trọng	Nghĩa	08/12/2005	CCQ2303B	8.8	5.0	6,50	
35	2123200456	Trà Thị Bích	Ngọc	19/07/2003	CCQ2320E	8.3	5.0	6,30	
36	2123200481	Phạm Quỳnh Trúc	Như	21/09/2003	CCQ2320F	9.3	8.0	8,50	
37	2123190042	Trần Thị Hồng	Nhung	28/09/2005	CCQ2319B	8.8	7.0	7,70	
38	2122180003	Nguyễn Minh	Nhật	28/10/2004	CCQ2218A	8.8	10.0	9,50	
39	2123200615	Nguyễn Minh	Phấn	29/10/2005	CCQ2320G	7.5	7.0	7,20	
40	2123190043	Phạm Thị Mỹ	Phụng	02/10/2005	CCQ2319B	8.3	9.0	8,70	
41	2123030023	Phan Thiên	Phước	02/05/2005	CCQ2303A	7.5	5.0	6,00	
42	2123200490	Hồ Thu	Phương	14/08/2005	CCQ2320F	7.5	9.0	8,40	
43	2123200628	Huỳnh Nguyên	Quốc	11/05/2005	CCQ2320G	0.0	10.0	6,00	
44	2123200423	Phạm Thị Như	Quỳnh	31/07/2005	CCQ2320E	7.0	6.0	6,40	
45	2123180002	Lê Chí	Tâm	01/09/2004	CCQ2318A	0.0	9.0	5,40	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2123200522	Lê Quốc	Thái	23/06/2005	CCQ2320F	7.0	5.0	5,80	
47	2123200416	Nguyễn Thị	Thảo	06/03/2005	CCQ2320E	7.5	8.0	7,80	
48	2123200488	Lê Quốc	Thịnh	01/02/2005	CCQ2320F	7.3	9.0	8,30	
49	2123200539	Hồ Thị Anh	Thư	11/10/2005	CCQ2320F	7.5	8.0	7,80	
50	2123190037	Thanh Thị Thái	Thương	20/08/2005	CCQ2319B	7.5	6.0	6,60	
51	2123190070	Lê Nguyễn Hương	Trà	15/01/2005	CCQ2319B	7.5	7.0	7,20	
52	2123200497	Nguyễn Thị	Trang	24/03/2005	CCQ2320F	7.8	6.0	6,70	
53	2123200437	Đặng Thị Kiều	Trinh	22/09/2005	CCQ2320E	7.8	5.0	6,10	
54	2123200457	Trần Thị Ngọc	Trinh	21/06/2005	CCQ2320E	8.3	5.0	6,30	
55	2123190050	Nguyễn Lê Ánh	Trúc	30/12/2005	CCQ2319B	7.8	5.0	6,10	
56	2123200405	Phạm Thị Thanh	Trúc	16/04/2005	CCQ2320E	7.8	9.0	8,50	
57	2123030057	Đặng Văn	Trường	02/04/2005	CCQ2303B	8.3	5.0	6,30	
58	2123030017	Nguyễn Trọng	Trường	17/05/2004	CCQ2303A	8.3	6.0	6,90	
59	2123200502	Lê Hoàng Cẩm	Tú	19/07/2005	CCQ2320F	8.3	6.0	6,90	
60	2123200387	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	20/06/2005	CCQ2320E	7.0	5.0	5,80	
61	2123190046	Đặng Nữ Ngọc	Út	16/05/2005	CCQ2319B	8.3	5.0	6,30	
62	2123200484	Từ Thị Khánh	Vân	30/04/2005	CCQ2320F	8.3	5.0	6,30	
63	2123200523	Huỳnh Văn	Viễn	07/02/2005	CCQ2320F	0.0	0.0	0,00	
64	2123030072	Hà Văn	Vinh	04/05/2005	CCQ2303B	7.8	5.0	6,10	
65	2123030003	Mai Quốc	Vinh	23/12/2005	CCQ2303A	8.3	5.0	6,30	
66	2123030069	Nguyễn Hoàng	Vũ	01/05/2005	CCQ2303B	8.3	5.0	6,30	
67	2123190089	Đoàn Thanh	Vy	18/08/2005	CCQ2319C	7.8	5.0	6,10	
68	2123200464	Nguyễn Thị Thanh	Ý	18/05/2005	CCQ2320E	8.3	7.0	7,50	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	----------------------	-------------	------------------	---------

TPHCM, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình